

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 4 - 2021

“Về việc Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Viết Tùng

Ông Nguyễn Văn Lý.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Lê Thị H, sinh năm 1982.**

Địa chỉ cư trú: **Đội 4, xóm N, xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An;** có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981.**

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: **Đội 4, xóm N, xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An;** hiện đang ở **Đài Loan; vắng mặt.**

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn HS và bà Lê Thị L; địa chỉ cư trú: **Đội 4, xóm N, xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2020 và bản tự khai đề ngày 23 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 26 tháng 01 năm 2004 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G1 (nay là xã G), huyện Đ, tỉnh Nghệ

An, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, tình cảm bình thường nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không phù hợp. Năm 2008, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, năm 2010, chị H cũng sang Đài Loan làm việc. Trong thời gian ở Đài Loan, cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm. Năm 2019, chị H về nước. Từ đó đến nay hai bên chấm dứt các quan hệ, không liên lạc với nhau, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn J, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2005. Hiện nay cháu J đang do ông HS, bà L (bố mẹ của anh T) nuôi dưỡng. Ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao cháu J cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T không có tài sản, không vay nợ ai, không ai vay nợ. Tại phiên tòa, chị H khai vợ chồng có tài sản là ngôi nhà 02 tầng làm trên đất ông Nguyễn HS, hiện nay ông HS đang sử dụng, chị H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T, do vợ chồng không liên lạc gì với nhau nên chị Lê Thị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan. Theo chị H thì anh T vẫn thường xuyên liên lạc về với bố mẹ đẻ là ông Nguyễn HS và bà Lê Thị L; địa chỉ cư trú: **Đội 4, xóm N, xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An** và ông HS, bà L biết địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan; đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã gửi văn bản cho ông Nguyễn HS và bà Lê Thị L (là bố mẹ đẻ của anh T) thông báo về việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án để ông HS, bà L thông báo cho anh T và đề nghị anh T nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị H. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của anh T trước khi đi nước ngoài. Tuy nhiên, anh T không có ý kiến gì và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn HS và bà Lê Thị L có ý kiến: Anh Nguyễn Văn T đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan từ năm 2010, thỉnh thoảng anh T có liên lạc về với gia đình nhưng hiện hộ chiếu đã hết nên không có địa chỉ cố định và cụ thể để cung cấp cho Tòa án. Anh T đã biết được việc chị H làm đơn yêu cầu ly hôn, qua trao đổi với gia đình thì anh T thống nhất ly hôn chị H và anh T xin được trực tiếp nuôi con Về con chung, vợ chồng chị H, anh

Lý có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn J, cháu J đang ở với ông HS, bà L từ khi 14 tháng tuổi đến nay. Nay cháu J đã 15 tuổi ở với ai do cháu lựa chọn, ông HS, bà L không có ý kiến gì

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Việc tổng đạt các văn bản văn bản tố tụng cho các đương sự được bảo đảm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H, cho chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T được ly hôn. Về con chung, cháu Nguyễn Văn J đang ở với ông Nguyễn HS và bà Lê Thị L và anh T xin được nuôi con nhưng anh T đang ở nước ngoài nên đề nghị giao cháu J cho chị H nuôi dưỡng và chưa xem xét về yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, chị H chưa yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này các bên có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện đang ở Đài Loan, không có địa chỉ cụ thể nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T hiện đang ở Đài Loan. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã gửi văn bản cho ông Nguyễn HS và bà Lê Thị L thông báo về việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án để ông HS, bà L thông báo cho anh T. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của anh T trước khi đi nước ngoài theo quy định. Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, Tòa án không nhận được bất cứ văn bản nào của anh T trình bày về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giang Sơn ngày 26 tháng 01 năm 2004 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng do tính cách, quan điểm sống khác nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Năm 2008, anh T đi làm ăn ở Đài Loan và sau đó chị

H cũng sang Đài Loan làm ăn nhưng tình cảm không cải thiện được. Năm 2019, chị H về nước đến nay, hai bên chấm dứt mọi quan hệ. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị và anh T được ly hôn.

[3.2] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn J, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2005. Hiện nay, cháu J đang ở với ông bà nội là ông Nguyễn HS và bà Lê Thị L. Mặc dù anh T xin được nuôi con, cháu J có nguyện vọng ở cùng với ông, bà nội nhưng căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc nuôi con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của bố mẹ. Do anh T đang ở Đài Loan nên cần giao cháu J cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H chưa yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa, chị H trình bày vợ chồng có tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng làm trên đất của ông Nguyễn HS, hiện nay ông HS đang sử dụng, chị H chưa yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, vợ chồng không ai vay nợ và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự chia tài sản chung sau ly hôn nếu có yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 40, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn J, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2005 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu J đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Lê Thị H chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các

bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự chia tài sản chung sau ly hôn, nếu có yêu cầu.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **AA/2020/0000135** ngày **16 tháng 10 năm 2020**.

3. Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà